

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các
công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 1256/ GP-UB Ngày 16 tháng 6 năm 1994

**Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số** 0100364579 Ngày 29 tháng 2 năm 2000

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 19 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 20 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vladislavs Savkins	Chủ tịch
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch <i>(từ ngày 18 tháng 2 năm 2014)</i>
	Thành viên <i>(đến ngày 17 tháng 2 năm 2014)</i>
Ông Hoàng Việt Hà	Phó chủ tịch
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên <i>(đến ngày 10 tháng 4 năm 2013)</i>
Ông David Đỗ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Việt Giang	Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 18 tháng 2 năm 2014)</i>
	Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 17 tháng 2 năm 2014)</i>
Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 17 tháng 2 năm 2014)</i>
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký 152 Thụy Khuê
Tây Hồ, Hà Nội
Việt Nam

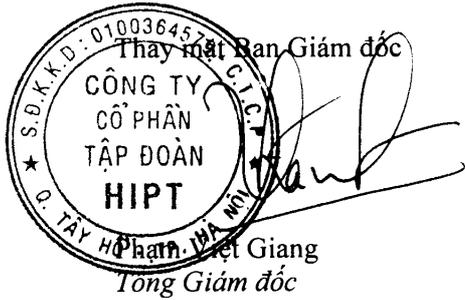
Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Hà Nội, **31-03-2014**

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tập đoàn phê duyệt phát hành ngày 31-03-2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo kiểm toán của chúng tôi ngày 31 tháng 3 năm 2013 về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do các ảnh hưởng tiềm tàng của các điều chỉnh có thể được xác định là cần thiết nếu chúng tôi có thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính về tính có thể thu hồi được của các khoản phải thu thương mại từ Công ty TNHH HIPT Mobile (“HIPT Mobile”) với giá trị ghi sổ thuần là 15 tỷ VND (khoản phải thu khách hàng có giá trị là 20 tỷ VND trừ đi dự phòng phải thu khó đòi là 5 tỷ VND).

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn đã lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi với giá trị là 5 tỷ VND cho khoản phải thu khách hàng từ Công ty TNHH HIPT Mobile có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10 tỷ VND. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định xem có cần thực hiện các điều chỉnh đối với dự phòng phải thu khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí thuế thu nhập, lợi nhuận thuần và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

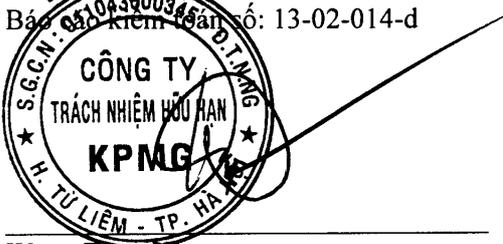
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu có của vấn đề trình bày trong phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-014-d



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 31-03-2014

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		515.989.023.025	385.516.993.283
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	48.020.519.522	114.701.287.051
Tiền	111		46.518.875.228	45.425.734.821
Các khoản tương đương tiền	112		1.501.644.294	69.275.552.230
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	72.150.000.000	70.165.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	121		72.150.000.000	70.165.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	270.961.836.034	138.856.992.004
Phải thu khách hàng	131		121.314.492.881	68.932.163.673
Trả trước cho người bán	132		18.761.875.757	4.890.062.776
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	5	139.135.555.457	66.604.752.890
Các khoản phải thu khác	135	5	5.482.788.692	6.970.850.371
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	30	(13.732.876.753)	(8.540.837.706)
Hàng tồn kho	140	6	119.719.848.493	49.678.651.740
Hàng tồn kho	141		120.988.823.695	50.945.554.241
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.268.975.202)	(1.266.902.501)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.136.818.976	12.115.062.488
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		209.322.667	868.818.617
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		275.969.354	308.584.492
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	4.651.526.955	10.937.659.379

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		133.556.318.129	134.405.802.024
Các khoản phải thu dài hạn	210		403.129.000	454.444.286
Phải thu dài hạn khác	218		403.129.000	454.444.286
Tài sản cố định	220		43.653.297.214	46.998.169.664
Tài sản cố định hữu hình	221	8	38.895.260.767	44.097.283.750
Nguyên giá	222		63.754.050.719	65.772.746.037
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.858.789.952)	(21.675.462.287)
Tài sản cố định vô hình	227	9	4.758.036.447	2.900.885.914
Nguyên giá	228		7.445.612.093	4.951.158.321
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.687.575.646)	(2.050.272.407)
Bất động sản đầu tư	240	10	19.877.994.578	21.087.293.299
Nguyên giá	241		24.789.857.165	24.789.857.165
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.911.862.587)	(3.702.563.866)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	67.800.651.706	63.051.043.116
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		19.556.694.428	19.683.953.116
Đầu tư dài hạn khác	258		49.767.090.000	43.367.090.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.523.132.722)	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.821.245.631	2.814.851.659
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.804.749.728	2.006.709.270
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	-	770.698.506
Tài sản dài hạn khác	268		16.495.903	37.443.883
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		649.545.341.154	519.922.795.307

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		274.501.318.566	146.462.373.812
Nợ ngắn hạn	310		252.267.604.342	121.118.357.058
Vay ngắn hạn	311	15	52.499.955.979	93.000.000
Phải trả người bán	312		36.367.431.082	22.310.905.984
Người mua trả tiền trước	313		71.805.848.352	11.414.010.696
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.325.272.984	2.153.873.904
Phải trả người lao động	315		2.427.499.727	2.298.791.648
Chi phí phải trả	316	17	3.718.138.600	4.520.308.696
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		-	555.344.509
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	81.123.457.618	77.772.121.621
Nợ dài hạn	330		22.233.714.224	25.344.016.754
Phải trả dài hạn khác	333		746.499.164	1.460.342.187
Dự phòng bảo hành	337	19	612.262.807	912.657.814
Doanh thu chưa thực hiện	338	20	20.874.952.253	22.971.016.753
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		375.044.022.588	373.460.421.495
Vốn chủ sở hữu	410	21	375.044.022.588	373.460.421.495
Vốn cổ phần	411	22	225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	414	21	(19.010.756.592)	(19.010.756.592)
Quỹ đầu tư phát triển	417	23	12.788.285.298	12.788.285.298
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	6.840.705.686	6.840.705.686
Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.598.018.196	11.014.417.103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		649.545.341.154	519.922.795.307

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ - USD	28.326	8.020

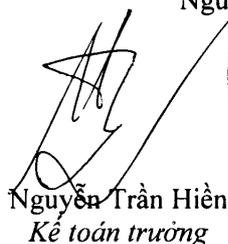
Người lập:



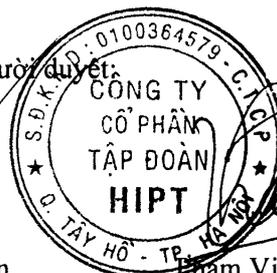
Trần Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

31 -03- 2014

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	24	526.181.313.711	438.004.625.540
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	16.979.680.899
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	526.181.313.711	421.024.944.641
Giá vốn hàng bán	11	25	441.541.862.539	322.512.798.029
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		84.639.451.172	98.512.146.612
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.641.153.972	21.926.142.048
Chi phí tài chính	22	27	7.086.723.893	1.422.206.463
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.125.341.346	905.628.893
Chi phí bán hàng	24		37.239.543.768	35.554.253.369
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.528.311.056	61.979.874.272
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21- 22) - (24 + 25)}	30		426.026.427	21.481.954.556
Thu nhập khác	31	28	6.186.231.186	6.212.639.942
Chi phí khác	32		3.408.419.843	1.824.721.693
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.777.811.343	4.387.918.249
Lợi nhuận/(lỗ) được chia từ công ty liên kết	41		812.928.713	(2.132.557.399)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		4.016.766.483	23.737.315.406
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.662.466.884	2.772.208.905
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	770.698.506	2.797.177.403
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.583.601.093	18.167.929.098
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số			-	549.867.243
Chủ sở hữu của Công ty	62		1.583.601.093	17.618.061.855
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31		813

Người lập:



Trần Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

31-03-2014

Người duyệt:




Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng

Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.016.766.483	23.737.315.406
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.193.938.467	7.029.936.736
Các khoản dự phòng	03		7.629.353.610	5.731.589.417
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		65.369.046	(1.958.645)
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		-	(55.720.560)
Xóa sổ tài sản cố định	05		-	988.847
Lãi từ thanh lý công ty con	05		-	(15.223.196.727)
(Lãi)/ lỗ từ thanh lý đầu tư khác	05		(3.780.000.000)	216.467.384
Thu nhập từ tiền lãi và cổ tức	05		(1.758.868.038)	(6.585.464.199)
Chi phí lãi vay	06		4.125.341.346	905.628.893
(Lợi nhuận)/lỗ thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	07		(812.928.713)	2.132.557.399
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.678.972.201	17.888.143.951
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(130.561.745.345)	39.238.707.062
Biến động hàng tồn kho	10		(71.255.773.601)	6.617.034.326
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		74.013.744.002	(26.796.778.339)
Biến động chi phí trả trước	12		1.228.849.530	858.569.940
			(110.895.953.213)	37.805.676.940
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.125.341.346)	(905.628.893)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.743.827.104)	(5.695.877.151)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(305.993.703)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(116.765.121.663)	30.898.177.193

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.666.657.284)	(2.391.158.445)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	143.597.151
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(21.000.000.000)	(24.362.500.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		16.395.000.000	2.178.172.204
Tiền ứng trước của một bên thứ ba liên quan đến việc mua khoản đầu tư	26		2.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.949.055.439	8.052.701.012
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(2.322.601.845)	(16.379.188.078)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		-	(2.119.481.560)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		276.997.800.975	45.822.234.413
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(224.590.844.996)	(73.986.128.588)
Tiền trả cổ tức	36		-	(1.191.587.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		52.406.955.979	(31.474.962.835)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(66.680.767.529)	(16.955.973.720)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		114.701.287.051	131.657.260.771
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	48.020.519.522	114.701.287.051

Người lập:

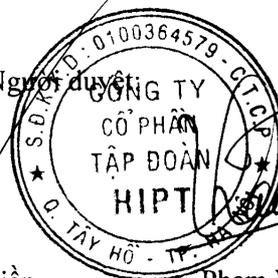


Trần Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

31 -03- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và liên doanh. Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm; phân phối các sản phẩm CNTT; bảo trì và bảo hành thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 289 nhân viên (31/12/2012: 516 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

TR
H. T. C.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 25 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 6 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Thương hiệu

Chi phí mua thương hiệu và nhãn hiệu được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Thương hiệu và nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong toàn bộ thời gian hữu dụng ước tính.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 8 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 20 năm
- nhà cửa 20 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

(l) Giá trị hợp đồng dở dang

Giá trị hợp đồng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

34
T)
HỮU
IG
TP.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong ba năm gần đây nhất. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

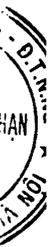
Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Giám đốc Tập đoàn tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Nếu Tập đoàn tiếp tục áp dụng chính sách kế toán trước đây cho khoản dự phòng trợ cấp thôi việc theo Bộ luật Lao động Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 (“VAS 18”) - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng và giảm với giá trị tương ứng là 77 triệu VND và 58 triệu VND, nợ dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng và giảm các giá trị tương ứng là 1.268 triệu VND và 989 triệu VND (sau khi trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại với giá trị là 279 triệu VND).

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

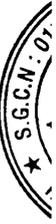
(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(r) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp để phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị CNTT và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(t) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về CNTT tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(y) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn, các doanh nghiệp và cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các cán bộ quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình họ và các công ty liên kết và liên doanh của họ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.475.178.855	342.532.276
Tiền gửi ngân hàng	45.043.696.373	45.083.202.545
Các khoản tương đương tiền	1.501.644.294	69.275.552.230
	<hr/>	<hr/>
	48.020.519.522	114.701.287.051
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	10.871.056.928	19.347.940.565

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng và các khoản tạm ứng của khách hàng bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Doanh thu lũy kế theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu năm	66.604.752.890	6.977.081.600
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong năm	108.067.187.188	77.592.949.576
Doanh thu lũy kế theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối năm	174.671.940.078	84.570.031.176
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(35.536.384.621)	(17.965.278.286)
	139.135.555.457	66.604.752.890

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu các khoản cho nhân viên vay	1.703.849.580	1.794.390.954
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	-	1.497.418.525
Phải thu khác	3.778.939.112	3.679.040.892
	5.482.788.692	6.970.850.371

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	1.349.160.776
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.821.783.009	11.633.326.036
Hàng hóa	90.748.251.549	37.593.321.484
Hàng gửi đi bán	1.418.789.137	369.745.945
	<hr/>	<hr/>
	120.988.823.695	50.945.554.241
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.268.975.202)	(1.266.902.501)
	<hr/>	<hr/>
	119.719.848.493	49.678.651.740

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 1.269 triệu VND (31/12/2012: 1.267 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.266.902.501	1.747.832.512
Tăng dự phòng trong năm	2.072.701	332.010.704
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(420.577.211)
Hoàn nhập	-	(392.363.504)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.268.975.202	1.266.902.501

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng cho thành viên Ban Giám đốc	2.201.686.250	5.046.868.250
Tạm ứng cho nhân viên thực hiện hợp đồng	2.109.176.697	5.304.526.256
Tài sản ngắn hạn khác	340.664.008	586.264.873
	<hr/>	<hr/>
	4.651.526.955	10.937.659.379

Tạm ứng cho thành viên Ban Giám đốc không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành hoạt động kinh doanh liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	40.849.504.796	20.260.061.086	4.121.532.813	541.647.342	65.772.746.037
Tăng trong năm	-	135.015.000	-	-	135.015.000
Phân loại lại (*)	-	(2.153.710.318)	-	-	(2.153.710.318)
Số dư cuối năm	40.849.504.796	18.241.365.768	4.121.532.813	541.647.342	63.754.050.719
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.205.955.243	12.088.358.855	4.121.532.813	259.615.376	21.675.462.287
Khấu hao trong năm	2.042.742.839	2.236.924.182	-	49.049.038	4.328.716.059
Phân loại lại (*)	-	(1.145.388.394)	-	-	(1.145.388.394)
Số dư cuối năm	7.248.698.082	13.179.894.643	4.121.532.813	308.664.414	24.858.789.952
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	35.643.549.553	8.171.702.231	-	282.031.966	44.097.283.750
Số dư cuối năm	33.600.806.714	5.061.471.125	-	232.982.928	38.895.260.767

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 23.371 triệu VND liên quan đến khu nhà thấp tầng tại cùng địa chỉ với Công ty. Việc xây dựng khu nhà này một phần do các cá nhân tài trợ với số tiền là 25.349 triệu VND (Thuyết minh 20). Việc xây dựng khu nhà này đã hoàn thành, tuy nhiên, Công ty và các cá nhân liên quan vẫn chưa thỏa thuận xong về quyền sở hữu khu nhà và các nghĩa vụ tài chính của các bên. Trong năm trước, Tập đoàn đã thực hiện kết chuyển tài sản này từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang Tài sản cố định hữu hình và bắt đầu thực hiện trích khấu hao theo kết luận của Đoàn thanh tra Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 12 tháng 10 năm 2012.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 9.131 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 9.150 triệu VND).

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.926.442.619	588.000.000	436.715.702	4.951.158.321
Tăng trong năm	-	-	2.531.642.284	2.531.642.284
Phân loại lại (*)	-	-	(37.188.512)	(37.188.512)
Số dư cuối năm	3.926.442.619	588.000.000	2.931.169.474	7.445.612.093
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.256.461.636	544.982.408	248.828.363	2.050.272.407
Khấu hao trong năm	157.057.711	-	498.865.976	655.923.687
Phân loại lại (*)	-	-	(18.620.448)	(18.620.448)
Số dư cuối năm	1.413.519.347	544.982.408	729.073.891	2.687.575.646
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.669.980.983	43.017.592	187.887.339	2.900.885.914
Số dư cuối năm	2.512.923.272	43.017.592	2.202.095.583	4.758.036.447

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13).

10. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	22.122.085.200	2.667.771.965	24.789.857.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.318.312.780	384.251.086	3.702.563.866
Khấu hao trong năm	1.106.104.260	103.194.461	1.209.298.721
Số dư cuối năm	4.424.417.040	487.445.547	4.911.862.587
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	18.803.772.420	2.283.520.879	21.087.293.299
Số dư cuối năm	17.697.668.160	2.180.326.418	19.877.994.578

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, bất động sản đầu tư liên quan đến một mảnh đất chưa sử dụng đang được giữ để bán tại Đà Nẵng và nhà cửa trên mảnh đất đó.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Tập đoàn chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 19.878 triệu VND (31/12/2012: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

11. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
▪ Cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (a)	7.200.000	72.000.000.000	7.000.000	70.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		150.000.000		165.000.000
		72.150.000.000		70.165.000.000

(a) Tập đoàn ký kết một thỏa thuận chuyển nhượng 7.200.000 cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (“Ngân hàng Bảo Việt”) cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phần. Theo đó, Công ty nhận được khoản thanh toán có giá trị 72 tỷ VND như một sự đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần. Theo Thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang các bên thứ ba vẫn chưa được hoàn thiện. Nguồn vốn ủy thác cho số cổ phiếu tại Ngân hàng Bảo Việt trị giá 72 tỷ VND được ghi nhận là khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được phân loại lại là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày báo cáo. Khoản tạm ứng được ghi nhận vào khoản mục phải trả khác (Thuyết minh 18).

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:		
▪ các công ty liên kết, liên doanh (b)	19.556.694.428	19.683.953.116
▪ các đơn vị khác (c)	49.767.090.000	43.367.090.000
	69.323.784.428	63.051.043.116
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.523.132.722)	-
	67.800.651.706	63.051.043.116

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết và liên doanh trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	19.683.953.116	23.783.747.328
Tăng trong năm	250.000.000	-
Giảm trong năm	-	(500.000.000)
Lãi/(lỗ) từ đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	812.928.713	(2.132.557.399)
Cổ tức được chia	(1.190.187.401)	(1.467.236.813)
	19.556.694.428	19.683.953.116

(c) Chi tiết các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	2.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán Tân Việt	11.054.590.000	11.054.590.000
Công ty CP Dịch vụ Di động Trực tuyến M-Service	8.312.500.000	8.312.500.000
Công ty cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Ví Việt)	29.400.000.000	21.000.000.000
Dự án Đảo Sen	1.000.000.000	1.000.000.000
	49.767.090.000	43.367.090.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Các đơn vị trong Tập đoàn

Dưới đây là danh sách các công ty con, công ty liên kết, liên doanh của Tập đoàn tại ngày báo cáo:

Các công ty con	Hợp nhất	% sở hữu và quyền biểu quyết
		31/12/2013 và 31/12/2012
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (“HISC Ltd.”)	Có	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT (“HIST Ltd.”)	Có	100%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn (“HISG Ltd.”)	Có	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (“HIPT Invest”)	Có	100%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (“HISN Ltd.”)	Có	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội (“New Horizons JSC”)	Có	78%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”)	Có	100%
Trường Kỹ nghệ thực hành HIPT (“HIPT School”)	Có	100%
Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao (“Hi-Power Tech”)(*)	Có	55%

(*) Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao là công ty con của Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT.

Các công ty con này, ngoại trừ Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn, có cùng địa chỉ với Công ty tại 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam. Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn có địa chỉ tại 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	% sở hữu và quyền biểu quyết
			31/12/2013 và 31/12/2012
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Tầng 2, Căn hộ F, 28 Xuân La, phường Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	2 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Có	26%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Tòa nhà Arimex, 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Có	20%
Thời báo Doanh nhân	64 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	50%
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	38-40, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	Có	20%

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	2.006.709.270
Phân loại từ tài sản cố định (*)	1.026.889.988
Tăng trong năm	865.321.526
Phân bổ trong năm	(2.094.171.056)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.804.749.728
	<hr/>

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong kỳ (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thuế hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện	-	770.698.506
		<hr/>

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế sau của Công ty và các công ty con:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
HIST Ltd.	192.847.556	38.569.511	327.008.269	81.752.067
HIPT Invest	2.911.840.613	582.368.123	3.354.671.793	838.667.948
New Horizons JSC	1.042.828.775	208.565.755	1.072.710.782	268.177.696
HIPT School	636.538.286	127.307.657	1.841.170.215	460.292.554
HISN Ltd.	10.120.575.446	2.024.115.089	10.626.090.432	2.656.522.608
HIBF Ltd.	726.246.963	36.312.348	726.246.963	36.312.348
HISG Ltd.	3.822.590.925	764.518.185	3.793.065.853	948.266.463
Hi-Power Tech	3.452.645.379	690.529.076	3.449.631.698	862.407.925
	<hr/>		<hr/>	
	22.906.113.943	4.472.285.744	25.190.596.005	6.152.399.609
				<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ	
		31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
2013	Chưa quyết toán	-	1.509.591.904
2014	Chưa quyết toán	2.398.462.673	2.903.977.659
2015	Chưa quyết toán	4.434.125.257	4.434.125.257
2016	Chưa quyết toán	5.244.784.713	5.244.784.713
2017	Chưa quyết toán	10.655.285.292	11.098.116.472
2018	Chưa quyết toán	173.456.008	-
		22.906.113.943	25.190.596.005

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Biến động các khoản lỗ tính thuế được khấu trừ, nhưng chưa được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại, trong năm như sau:

	2013	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế được khấu trừ đầu năm	25.190.596.005	6.152.399.609
Lỗ tính thuế được khấu trừ phát sinh trong năm	173.456.008	43.364.002
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(1.108.993.349)
Lỗ tính thuế được khấu trừ sử dụng trong năm	(948.346.166)	(237.086.542)
Lỗ tính thuế được khấu trừ hết hiệu lực trong năm	(1.509.591.904)	(377.397.976)
Lỗ tính thuế được khấu trừ cuối năm	22.906.113.943	4.472.285.744

15. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng 1 – không tín chấp	VND	9%	-	93.000.000
Khoản vay ngân hàng 2 (*)	VND	7-9%	52.499.955.979	-
			52.499.955.979	93.000.000

(*) Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 38.895 triệu VND và 20.483 triệu VND (31/12/2012: không) (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.721.660.657	333.495.134
Thuế xuất nhập khẩu	-	20.828
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.502.342.315	1.583.702.535
Thuế thu nhập cá nhân	101.270.012	187.116.786
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	49.538.621
	<hr/>	<hr/>
	4.325.272.984	2.153.873.904
	<hr/>	<hr/>

17. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả theo hợp đồng dịch vụ thuê ngoài	3.718.138.600	4.520.308.696
	<hr/>	<hr/>

18. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	2.655.422.929	4.594.478.767
Tạm ứng từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 11)	72.000.000.000	70.000.000.000
Phải trả khác cho các công ty liên quan	2.458.800.000	-
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (*)	2.656.280.900	-
Phải trả khác	1.352.953.789	3.177.642.854
	<hr/>	<hr/>
	81.123.457.618	77.772.121.621
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả khác đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

(*) Phản ánh khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ đề án 112 từ Chính phủ - đề cài đặt phần mềm tích hợp tại các cơ quan nhà nước trên toàn quốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Dự phòng chi phí bảo hành

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Chi phí bảo hành VND
Số dư đầu năm	912.657.814
Dự phòng lập trong năm	912.109.140
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.212.504.147)
	<hr/>
Số dư cuối năm	612.262.807
	<hr/>

20. Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn

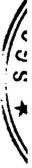
Theo kết luận của Đoàn thanh tra Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 12 tháng 10 năm 2012, Tập đoàn đã kết chuyển số tiền nhận được từ các cá nhân liên quan đến việc xây dựng Khu nhà 152 Thụy Khuê (Thuyết minh 8) từ tài khoản Phải trả dài hạn khác sang tài khoản Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn, và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời hạn thuê đất của tòa nhà này là 18 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư chưa được phân bổ của khoản Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn này là 20.875 triệu VND (31/12/2012: 22.971 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối / (lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	182.187.240.000	179.640.530.000	(16.891.275.032)	12.788.285.298	6.840.705.686	(6.631.560.949)	357.933.925.003
Phát hành cổ phiếu thường	43.403.060.000	(43.403.060.000)	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.119.481.560)	-	-	-	(2.119.481.560)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	17.618.061.855	17.618.061.855
Biến động khác	-	-	-	-	-	27.916.197	27.916.197
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	12.788.285.298	6.840.705.686	11.014.417.103	373.460.421.495
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.583.601.093	1.583.601.093
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	12.788.285.298	6.840.705.686	12.598.018.196	375.044.022.588



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013 and 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.559.030	225.590.300.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	985.047	19.010.756.592
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.573.983	206.579.543.408

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	21.573.983	206.579.543.408	17.362.291	165.295.964.968
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	4.340.306	43.403.060.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(128.614)	(2.119.481.560)
Số dư cuối năm	21.573.983	206.579.543.408	21.573.983	206.579.543.408

TR
H. TU

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập để bảo vệ Công ty trước các rủi ro tài chính và các rủi ro khác.

24. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013	2012
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	433.594.861.527	341.139.961.605
▪ Cung cấp dịch vụ	89.414.966.509	90.397.010.420
▪ Cho thuê	3.171.485.675	6.467.653.515
	<hr/>	<hr/>
	526.181.313.711	438.004.625.540
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	(1.040.030.000)
▪ Giảm giá hàng bán	-	(31.044.165)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(15.908.606.734)
	<hr/>	<hr/>
	-	(16.979.680.899)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	526.181.313.711	421.024.944.641
	<hr/>	<hr/>

10
C
CH
K
LIE

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Hàng hoá đã bán	376.098.240.648	284.543.272.951
Dịch vụ đã cung cấp	64.228.919.702	34.573.918.974
Cho thuê	1.212.629.488	3.482.357.340
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.072.701	(86.751.236)
	<hr/> 441.541.862.539	<hr/> 322.512.798.029 <hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	1.676.079.056	5.783.757.838
Lãi do thanh lý Công ty TNHH HIPT Mobile	-	15.223.196.727
Cổ tức nhận được	82.788.982	801.706.361
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	102.285.934	115.086.409
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.958.645
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	3.780.000.000	-
Khác	-	436.068
	<hr/> 5.641.153.972	<hr/> 21.926.142.048 <hr/>

27. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	4.125.341.346	905.628.893
Lỗ do thanh lý đầu tư dài hạn khác	-	216.467.384
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.372.880.779	252.806.958
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	65.369.046	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.523.132.722	-
Khác	-	47.303.228
	<hr/> 7.086.723.893	<hr/> 1.422.206.463 <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Giảm giá của nhà cung cấp	3.892.026.547	4.606.475.813
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	143.597.151
Khác	2.294.204.639	1.462.566.978
	<hr/>	<hr/>
	6.186.231.186	6.212.639.942
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.662.466.884	1.583.702.535
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.188.506.370
	<hr/>	<hr/>
	1.662.466.884	2.772.208.905
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	770.698.506	2.797.177.403
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	2.433.165.390	5.569.386.308
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	4.016.766.483	23.737.315.406
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.004.191.621	5.934.328.851
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(130.058.396)	(1.960.296.602)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.158.993.799	3.066.817.428
Thu nhập không bị tính thuế	(20.697.245)	(200.426.590)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.188.506.370
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây	(237.086.542)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	43.364.002	2.774.529.119
Thay đổi chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	247.551.813	-
Ảnh hưởng của việc thanh lý công ty con	-	(5.340.366.926)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	366.906.338	106.294.658
	2.433.165.390	5.569.386.308

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định về thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo các mức thuế suất từ 10% đến 25% lợi nhuận chịu thuế theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định về thuế hiện hành.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn dễ gặp phải khi sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi tại ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	46.695.340.667	114.358.754.775
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	113.467.533.820	67.816.620.624
		<hr/>	<hr/>
		160.162.874.487	182.175.375.399

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 tới 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn và chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	3.695.706.464	10.101.889.118
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	6.673.144.097	-
	<u>10.368.850.561</u>	<u>10.101.889.118</u>

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.540.837.706	2.571.930.755
Tăng dự phòng trong năm	5.192.039.047	6.077.311.951
Xóa sổ	-	(108.405.000)
	<u>13.732.876.753</u>	<u>8.540.837.706</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Vay ngắn hạn	52.499.955.979	60.085.536.457	60.085.536.457
Các khoản nợ tài chính ngắn hạn khác	43.897.323.471	43.897.323.471	43.897.323.471
	96.397.279.450	103.982.859.928	103.982.859.928
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Vay ngắn hạn	93.000.000	93.000.000	93.000.000
Các khoản nợ tài chính ngắn hạn khác	30.008.857.534	30.669.199.721	30.669.199.721
	30.101.857.534	30.762.199.721	30.762.199.721

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN HIPT
 CH N
 KI
 TIỀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.326	8.020
Phải thu	1.273.294	1.051
Phải trả	(666.076)	(335.487)
	<hr/>	<hr/>
	635.544	(326.416)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
VND/USD	21.085	20.828
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận/(lỗ) thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận/(lỗ) thuần VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	201.006.679
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(101.978.887)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 52,5 tỷ VND vay ngắn hạn của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi (31/12/2012: Không). Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	1.651.644.294	69.440.552.230
Nợ phải trả tài chính	(45.200.000)	(93.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	1.606.444.294	69.347.552.230
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(52.454.755.979)	-
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 393.410.670 VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (2012: Không). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	49.767.090.000	(*)	42.567.090.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	48.170.519.522	48.170.519.522	114.701.287.051	114.701.287.051
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	113.467.533.820	(*)	68.223.734.238	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(43.897.323.471)	(*)	(30.669.199.721)	(*)
- Các khoản vay	(52.499.955.979)	(*)	(93.000.000)	(*)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	115.007.863.892	(*)	194.729.911.568	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 72.000 triệu VND đầu tư vào cổ phần của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 11) được mua và nắm giữ như các khoản ủy thác đầu tư cho các bên khác (31/12/2012: 70.800 triệu VND). Do đó, 72.000 triệu VND ghi nhận là tài sản và 72.000 triệu VND tương ứng ghi nhận là phải trả ngắn hạn khác không bao gồm trong phân tích trên (31/12/2012: 70.800 triệu VND).

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này để phục vụ mục đích thuyết minh thông tin theo Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 1.584 triệu VND (2012: lãi 17.618 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 21.573.983 cổ phiếu (2012: 21.675.616 cổ phiếu).

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	1.583.601.093	17.618.061.855

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013 VND	2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	21.573.983	17.362.291
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng vào ngày 19 tháng 4 năm 2012	-	4.340.306
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu trong năm	-	(26.981)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12	21.573.983	21.675.616

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chuyển từ phải thu thành đầu tư dài hạn	250.000.000	-

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được nêu trong các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không</i>		
Cổ tức	1.127.787.401	1.467.236.813
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.732.422.915	31.534.596.000
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	3.763.351.866	2.593.550.000
Tạm ứng	-	789.640.706

34. Cam kết

(a) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	1.107.216.000	1.107.216.000
Trong vòng hai đến năm năm	618.195.600	1.753.092.000
	1.725.411.600	2.860.308.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Cam kết góp vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có cam kết góp vốn tại Công ty cổ phần Dịch Vụ Nền Di Động Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Ví Việt) như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	12.600.000.000	21.000.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	-	42.000.000.000
	12.600.000.000	63.000.000.000

35. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	450.368.134.682	338.366.131.372
Chi phí nhân công	34.064.269.943	42.347.711.551
Chi phí khấu hao	6.193.938.467	7.029.936.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.268.355.033	13.378.782.041
Chi phí khác	12.415.019.238	18.924.363.970

Người lập:

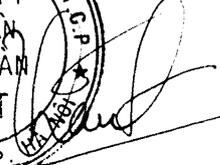


Trần Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

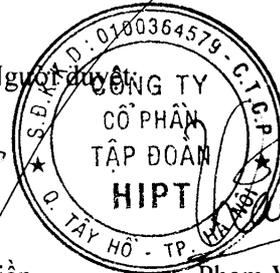
Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc



31-03-2014